

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH KON TUM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HSST

Ngày: 08/4/2024.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Sơn
2. Ông Lê Xuân Thanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Yến – Thư ký TAND tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Hồng Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08/4/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2024/TLST-HS ngày 02/02/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/QĐ/2024/HPT ngày 01/4/2024 đối với bị cáo:

**Trương Quang T**, tên gọi khác: Không, sinh ngày 20/01/1996 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: **Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trương Quang T1** (đã chết) và bà **Võ Thị L**, sinh năm 1962. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2023 đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trương Quang T:* Ông **Vũ Quang K**, sinh năm 1961, Luật sư **Công ty L1, Đoàn luật sư tỉnh G**. Địa chỉ: **8 Bà T, phường P, thành phố P, tỉnh Gia Lai** (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh **Nguyễn Sỹ N**, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ: **Thôn I, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum**. Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại **Trại giam G – Bộ C**.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1985, chức vụ: Phó **công an xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai** (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: **Tổ dân phố F, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**.

2. Chị **Dương Thị Hoài T3**, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: **xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.**

3. Anh **Nguyễn Sỹ H**, sinh năm 1992 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: **xã T, huyện Đ, tỉnh Kon Tum.** Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện I, tỉnh Đăk Lăk.**

4. Chị **Lương Thị T4**, sinh năm 1991 (Có mặt)  
Địa chỉ: **Tổ dân phố A, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.**

5. Chị **Trương Thị H1**, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: **xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam**

6. Anh **Trương Quang T5**, sinh năm 1988 (Có mặt)  
Địa chỉ: **Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**

- *Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Đình D**, sinh năm 1987 (Vắng mặt)  
Địa chỉ: **Thôn Đ, xã P, huyện N, tỉnh Kon Tum.** Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ **Công an huyện Đ, tỉnh Gia Lai.**

2. Anh **Lê Hữu H2**, sinh năm 1994 (Vắng mặt)  
Địa chỉ: **Khối phố A, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị.**

3. Anh **Nguyễn Quốc B**, sinh năm 1996 (Có mặt)  
Địa chỉ: **Thôn I, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.**

4. Anh **Nguyễn Sỹ T6**, sinh năm 1997 (Vắng mặt)  
Địa chỉ: **Xóm A, xã G, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.**

5. Chị **Đặng Thị Hương T7**, sinh năm 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)  
Địa chỉ: **Thôn E, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum.**

6. Bà **Võ Thị L**, sinh năm 1962 (Có mặt).  
Địa chỉ: **Thôn Đ, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai.**

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6/2022, bị cáo **Trương Quang T** và **Nguyễn Sỹ N** gặp nhau, **N** nói đang bị cơ quan Công an truy tìm do có liên quan đến vụ án “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*”, nên **N** nhờ **T** lo giúp cho **N** và các em của **N** không bị xử lý hình sự “chạy án”. Thời điểm này, **T** có quen biết với **Nguyễn Văn T2** (là phó **Công an xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai**), nên hỏi **T2** về vụ việc của **N** thì **T2** trả lời “*không quen ai ở Công an tỉnh K, nhưng để hỏi lại xem sao*”, **T2** không nhận lời hay hứa hẹn gì với **T**.

Do cần tiền để trả nợ, nên T nói với Nghĩa là đã liên hệ với T2 để nhờ “chạy án”, T nói Nghĩa là 01 tỷ đồng, sau đó giảm xuống 800.000.000 đồng, N đồng ý. Đến ngày 20/7/2022, T gọi điện cho N qua ứng dụng M bảo N chuyển tiền “chạy án”, N đã nhờ Dương Thị Hoài T3 (là em dâu của N) dùng tài khoản Ngân hàng V (Ngân hàng TMCP N1) của T3 chuyển 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) vào tài khoản Ngân hàng B2 (Ngân hàng Đ) của T. Khi nhận được tiền, T viết giấy biên nhận tại nhà T và gọi Nguyễn Sỹ T6 (là anh họ của N đang ở nhà T) ký người làm chứng, nhưng T6 không ký nên gọi Nguyễn Đình D ký người làm chứng. Do N không có mặt tại nơi viết giấy biên nhận, nên T đã chụp hình giấy này gửi cho N qua ứng dụng tin nhắn Messenger, sau đó đưa cho T6 giữ tờ giấy nhận tiền, quá trình cất giữ tờ giấy này thì T6 đã làm thất lạc.

Sau khi nhận tiền từ T3, cùng ngày 20/7/2022, T đã chuyển số tiền 400.000.000 đồng này vào tài khoản Ngân hàng B2 của Nguyễn Văn T2 để trả nợ cho T2, vì trước đó T với T2 có làm ăn chung với nhau về cây cảnh và mở tiệm rửa xe tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, T có nợ T2 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); quá trình làm ăn, T đã trả nợ dần 100.000.000 đồng, còn nợ Thuyên 400.000.000 đồng. Số tiền T trả nợ cho T2, sau đó T2 đã sử dụng vào các công việc cá nhân.

Ngày 23/7/2022, Trương Quang T bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh K triệu tập làm việc về nội dung nhận 400.000.000 đồng “chạy án” cho Nguyễn Sỹ N và các em của N. Sau khi bị cơ quan Công an triệu tập, T lo sợ bị xử lý nên tìm cách trả lại tiền cho Nguyễn Sỹ N. Trong khoảng thời gian từ ngày 24/7/2022 đến ngày 27/7/2022, T đã bán cây cảnh, vay mượn người quen được số tiền 400.000.000 đồng; sau đó T cùng với Nguyễn Quốc B, Lê Hữu H2 đi đến thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum gặp vợ chồng anh Nguyễn Sỹ H (là em trai N) và chị Dương Thị Hoài T3 để nhờ T3 viết giấy nhận lại số tiền 400.000.000 đồng, nhưng ghi lùi lại ngày 21/7/2022 và có Nguyễn Quốc B, Lê Hữu H2, Nguyễn Đình D ký xác nhận người làm chứng để đối phó với Cơ quan điều tra (thực tế vợ chồng H, T3 chưa nhận lại tiền ngay); đến ngày 28/7/2022, Nguyễn Sỹ H đến huyện Đ, tỉnh Gia Lai để gặp trực tiếp T nhận lại tiền và H đã giao lại số tiền 400.000.000 đồng cho N. Ngày 19/9/2022, Nguyễn Sỹ N bị Cơ quan An ninh điều tra - Công an tỉnh K bắt tạm giam, về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”. Do bức tức Trương Quang T không lo được việc “chạy án” nên đến ngày 19/10/2022, N đã làm đơn tố giác đối với Trương Quang T về việc nhận 400.000.000 đồng của N để “chạy án” nhưng không thực hiện.

Tại bản Cáo trạng số 03/CT-VKSKT-P1 ngày 31 tháng 01 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo Trương Quang T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trương Quang T từ 04 đến 05 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về vật chứng: 02 điện thoại thu giữ của Nguyễn Sỹ N, tại phiên tòa N từ chối nhận và đề nghị sung quỹ nhà nước nên đề nghị sung quỹ nhà nước, 01 (một) thẻ Ngân hàng B2 mang tên Trương Quang T, trên thẻ có ghi số 9704180094646457 cần trả lại cho bị cáo. Về dân sự: Đã bồi thường, bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Các cơ quan tiến hành tố tụng đã đảm bảo đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: Đồng ý với tội danh và điều khoản truy tố cũng như các điều khoản đề nghị áp dụng đối với bị cáo tại phiên tòa của Viện kiểm sát. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s, t khoản 1 và nhiều tình tiết tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 BLHS để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt liền kề.

Ý kiến của bị cáo: Bị cáo thống nhất ý kiến của Luật sư và xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xem xét hành vi phạm tội của bị cáo:

Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan tra, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian tháng 6/2022 khi được Nguyễn Sỹ N nhờ lo việc “chạy án” cho N và các em của N trong vụ án đưa người khác xuất cảnh trái phép ở Kon Tum, mặc dù bị cáo không có khả năng này cũng như không nhờ được ai để lo “chạy án” cho N nhưng để có tiền trả nợ cá nhân, bị cáo T đưa ra thông tin gian dối là đã nhờ được người lo “chạy án” cho N để N tin tưởng và bị cáo là người tự đưa ra mức tiền để “chạy án”. Do tin tưởng T nên ngày 20/7/2022, N đã nhờ Dương Thị Hoài T3 chuyển cho T số tiền 400.000.000 đồng và T đã chiếm đoạt số tiền này của anh N để trả nợ cá nhân. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được việc đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[2.2] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo **Trương Quang T** đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, trả lại số tiền 400.000.000 đồng cho bị hại và trước đây ngày 29/12/2022 bị cáo cung cấp thông tin đối tượng **Trần Quan H3**, sinh năm 1990, hộ khẩu thường trú tại **xã M, huyện P, tỉnh Bình Định** về hành vi buôn bán hàng cấm có xác nhận của cán bộ tiếp nhận thông tin và xác nhận của **Công an huyện Đ**, tỉnh Gia Lai. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự áp dụng cho bị cáo được hưởng. Ngoài ra, gia đình bị cáo có ông nội, bà nội là người có công với cách mạng được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì, danh hiệu lực lượng thanh niên xung phong và tại phiên tòa người bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho bị cáo được hưởng.

Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[2.3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thái độ khai báo của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ đặc biệt là đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại và người bị hại xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do vậy cần áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Các biện pháp tư pháp:

[3.1] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả lại cho bị hại toàn bộ số tiền chiếm đoạt là 400.000.000 đồng, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét.

[3.2] Về xử lý vật chứng: 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu xanh, mặt trước màu đen, màn cảm ứng, trong điện thoại có lắp 01 (một) sim số 0983424578 và 01 (một) điện thoại Nokia màu đen, bàn phím cơ, có lắp 01 (một) sim điện thoại số 0782753561. Đây là 02 điện thoại thu giữ của bị hại **Nguyễn Sỹ N** để phục vụ cho công tác điều tra, tại phiên tòa bị hại **N** từ chối nhận lại tài sản và đề nghị sung quỹ Nhà nước nên tuyên sung quỹ nhà nước.

01 (một) thẻ **Ngân hàng B2** mang tên **Trương Quang T**, trên thẻ có ghi số 9704180094646457 (kèm theo hồ sơ vụ án), đây là căn cứ, tài liệu vụ án nên cần tuyên lưu theo hồ sơ vụ án.

[4] Về những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với **Nguyễn Văn T2**, theo lời khai của **T2** và **Trương Quang T** đều thể hiện: Sau khi **Trương Quang T** nhận tiền 400.000.000 đồng từ **Dương Thị Hoài T3** qua tài khoản (**T3** chuyển khoản giùm cho **Nguyễn Sỹ N**), sau đó **T** chuyển vào tài khoản của **Nguyễn Văn T2** để trả nợ cho **T2** do phát sinh trong việc làm ăn, kinh doanh với nhau; số tiền này hoàn toàn không có liên quan gì đến việc **T** nhờ **T2** “chạy án” cho **N**, nên Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh K** không đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự đối với **T2** là phù hợp.

Đối với **Nguyễn Sỹ T6**, **Nguyễn Đình D**, **Dương Thị Hoài T3**, **Nguyễn Sỹ H**, **Nguyễn Quốc B**, **Lê Hữu H2** là những người chứng kiến việc **Nguyễn Sỹ N** chuyển tiền cho **Trương Quang T**. Tuy nhiên, việc giao nhận tiền, **T6**, **D**, **T3**, **H**, **B**, **H2** hoàn toàn không biết để làm gì, nên Cơ quan An ninh điều tra - **Công an tỉnh K** không xử lý trách nhiệm hình sự về hành vi “*Không tố giác tội phạm*” là đúng quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trương Quang T** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Quang T** 04 (**B1**) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 20/6/2023.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 BLTTHS.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động Iphone 11, màu xanh, mặt trước màu đen, màn cảm ứng, trong điện thoại có lắp 01 (một) sim số 0983424578 và 01 (một) điện thoại Nokia màu đen, bàn phím cơ, có lắp 01 (một) sim điện thoại số 0782753561.

*Các vật chứng có đặc điểm theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan An ninh điều tra **Công an tỉnh K** và Cục thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum ngày 06/01/2024.*

Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 (một) thẻ **Ngân hàng B2** mang tên **Trương Quang T**, trên thẻ có ghi số 9704180094646457.

4. Về án phí: Áp dụng các điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Buộc bị cáo **Trương Quang T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với những người vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TC
- VKSND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người bào chữa;
- Người có QLNVLQ
- Cục THADS tỉnh;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Như Mai**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

